

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ
Bản án số: 20/2020/HS-ST
Ngày 20/5/2020.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hưng T.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Cù Việt D**

2. Bà **Hà Thị Thanh T**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Đặng Trần H** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thu H** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 20 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2020/TLST- HS, ngày 26 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST – HS ngày 07/5/2020. Đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thị M** (Tên gọi khác Mai) Giới tính: Nữ - Sinh ngày 25/02/1991 tại: Thị xã P, tỉnh P; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khu C, xã T, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Trần Văn T Sinh năm: 1964 và bà Trần Thị L Sinh năm: 1964

Anh, chị, em ruột: Có 02 người, bị cáo là thứ hai.

Chồng: Trần Trung H Sinh năm: 1979

Bị cáo có 03 con. Con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 12/01/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại khu C, xã T, thị xã P, tỉnh P. (Có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại:

Anh **Vũ Văn T**, sinh năm 1986,

Địa chỉ: Xóm 8, xã G, huyện G, tỉnh N.

Hiện đang ở tại phòng trọ trong khuôn viên Bến xe khách thị xã P thuộc phố P, phường P, thị xã P, tỉnh P (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại:

Bà **Bùi Thị Thanh N**, Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ. (Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị M, sinh năm 1991, trú tại khu dân cư C, xã T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ và anh Vũ Văn T, sinh năm 1986, hộ khẩu thường trú tại xóm 8, xã G, huyện G, tỉnh N (Hiện đang ở tại phòng trọ trong khuôn viên Bến xe khách thị xã Phú Thọ thuộc phố P, phường P, thị xã P, tỉnh P) có quan hệ tình cảm với nhau nên M thường xuyên đến phòng trọ của anh T chơi. Khoảng 18 giờ ngày 07/01/2020, M điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen - trắng biển kiểm soát 19M1-185.33 đến phòng trọ của anh T chơi. Khi đến nơi, M thấy anh T ở trong phòng một mình nên nảy sinh ý định trộm cắp tiền của anh T để chi tiêu cá nhân. M bảo anh T đi mua cơm về cùng ăn với mục đích nhân lúc anh T không có ở phòng M sẽ lục soát, trộm cắp tiền của anh T. Anh T đi ra ngoài mua cơm, đồng thời khép cửa phòng để M ở lại một mình trong phòng. Khi anh T vừa ra khỏi phòng, M bắt đầu lục soát chiếc quần dài màu đen của anh T đang để trên nóc chiếc tủ gỗ kê gần lối ra vào nhà vệ sinh, thấy trong túi quần có một tập tiền gồm các mệnh giá từ 50.000 đồng đến 500.000 đồng được buộc bằng dây chun, M dùng tay rút một phần số tiền được 6.650.000 đồng, số tiền còn lại M cất vào trong túi quần như cũ và để chiếc quần về vị trí ban đầu để tránh bị phát hiện. M cầm tiền trộm cắp được ra để vào cốp xe mô tô của mình rồi đi vào phòng trọ của anh T. M thấy dưới gầm giường ngủ của anh T có một thùng Catton bên trong có nhiều tiền lẻ với các mệnh giá từ 1.000 đồng đến 50.000 đồng. M ra xe mô tô của mình lấy một chiếc túi nilon rồi đi vào trong phòng, M lấy một phần số tiền được 1.346.000 đồng cho vào túi nilon, số tiền còn lại M cất lại như cũ. Sau đó M mang túi nilon đựng tiền vừa trộm cắp được ra để vào trong cốp xe mô tô của mình rồi quay vào trong phòng trọ ngồi chờ anh T. Khoảng 10 phút sau, anh T đi mua cơm về, cả hai cùng ăn cơm, tuy nhiên M chỉ ăn một ít rồi xin phép ra về. M điều khiển xe mô tô đi về nhà. Khi về đến nhà, M vẫn để nguyên số tiền trộm cắp được của anh T trong cốp xe, mục đích tránh người thân phát hiện. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày thì bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P triệu tập đến làm việc.

Sau khi M ra về, anh T kiểm tra lại tài sản trong phòng phát hiện bị mất tiền nên đã đến cơ quan công an để trình báo sự việc. Ngay sau khi nhận được tin báo, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã tổ chức khám nghiệm hiện trường, điều tra xác minh và triệu tập Trần Thị M đến làm việc. Tại cơ quan điều tra M đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình như đã nêu trên. Cơ quan điều tra đã thu giữ của M 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen - trắng BKS 19M1-185.33, kiểm tra bên trong cốp xe có 6.650.000đ gồm 23 tờ tiền mệnh giá 50.000đ, 11 tờ tiền mệnh giá 100.000đ, 12 tờ tiền mệnh giá 200.000đ, 04 tờ tiền mệnh giá 500.000đ ; 01 túi nilon màu đỏ có quai sách, kiểm tra bên trong có 1.346.000đ gồm 03 tờ tiền mệnh giá 50.000đ, 20 tờ tiền mệnh giá 20.000đ, 69 tờ tiền mệnh giá 10.000đ, 15 tờ tiền mệnh giá 5.000đ, 06 tờ tiền mệnh giá 2.000đ và 19 tờ tiền mệnh giá 1.000đ. Trần Thị M khai nhận số tiền này là tài sản M trộm cắp của anh Vũ Văn T.

Ngày 10/01/2020, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phú Thọ đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Trần Thị M về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Quá trình điều tra xác định anh Vũ Văn T là người khuyết tật chân. Căn cứ Điều 3 Nghị định số 763/VBHN-BLĐTBXH ngày 28/02/2019 của Bộ lao động - thương binh và xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật thì anh Vũ Văn T thuộc trường hợp khuyết tật nhẹ: Anh T vẫn có khả năng đi lại, hiện anh đang làm nghề bán hàng rong tại khu vực chợ Mè thuộc phường P, thị xã P, tỉnh P). Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ đã cử trợ giúp viên pháp lý tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Vũ Văn T.

Về đồ vật, tài sản tạm giữ: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen - trắng BKS 19M1-185.33, kết quả điều tra xác định đây là tài sản chung của gia đình M. Ngày 10/01/2020 M dùng xe mô tô để cất giấu tài sản trộm cắp, tuy nhiên gia đình M không biết việc phạm tội của M. Về chiếc túi nilon màu đỏ có quai sách là vật dụng cá nhân của M dùng để đựng đồ dùng sinh hoạt khi đi làm.

Anh Vũ Văn T có đơn xin nhận lại số tiền 7.996.000đ nên ngày 12/02/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phú Thọ đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Vũ Văn T số tiền 7.996.000đ.

Tại cơ quan điều tra, Trần Thị M đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên. Lời khai nhận của M hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp về thời gian, địa điểm phạm tội, hiện trường, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 20/CT-VKSTXPT ngày 25/3/2020 VKSND thị xã Phú Thọ đã quyết định truy tố bị cáo Trần Thị M ra trước TAND thị xã Phú Thọ để xét xử về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 - BLHS.

Kết thúc phần xét hỏi đại diện VKSND thị xã Phú Thọ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Trần Thị M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 điểm i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 – BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị M từ 08 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là từ 16 đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đề nghị miễn hình phạt bổ sung theo điều luật cho bị cáo Trần Thị M

Về trách nhiệm dân sự: Không có

Về vật chứng:

Đề nghị áp dụng Điều 47 – BLHS; khoản 3 Điều 106 – BLTTHS.

Đề nghị trả lại cho bị cáo M 01xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen - trắng biển kiểm soát 19M1 -185.33.

Đề nghị tịch thu cho tiêu hủy chiếc túi nilon màu đỏ có quai xách.

Đề nghị xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phú Thọ đã trả lại cho anh Vũ Văn Tà số tiền 7.996.000đ vào ngày 12/02/2020 là hợp pháp.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Thị M hoàn toàn thừa nhận đã có hành vi phạm tội trộm cắp tài sản như đã nêu trong bản cáo trạng, bản luận tội, không có lời bào chữa nào khác và xin HĐXX xem xét chiếu cố giảm nhẹ hình phạt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại đề nghị HĐXX xem xét đến tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo để ra bản án đúng quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, anh Vũ Văn T đã nhận lại số tiền bị chiếm đoạt, không có yêu cầu gì, nên tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp không có ý kiến và yêu cầu gì.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của người bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Phú Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại đã khai báo đầy đủ, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trần Thị M đã khai nhận có hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với quá trình điều tra, giải quyết vụ án do đó có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng hơn 18 giờ, ngày 07/01/2020 tại phòng trọ của anh Vũ Văn Tà trong khuôn viên Bến xe khách thị xã P thuộc phố P, phường P, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, Trần Thị M đã thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 7.996.000đ của anh Vũ Văn T. Tài sản trộm cắp đã được thu hồi và trả cho bị hại.

Quá trình điều tra và tại phiên Tòa hôm nay bị cáo Trần Thị M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, đối chiếu với các quy định của pháp luật thì bị cáo M phạm tội trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 173 – BLHS.

Khoản 1 Điều 173 BLHS quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”. Hành vi phạm tội trộm cắp tài sản của bị cáo M tài sản trị giá trên hai triệu đồng.

Cáo trạng của VKSND thị xã Phú Thọ truy tố bị cáo Trần Thị M về tội danh và điều luật như đã viện dẫn là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất của vụ án tuy là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã ngang nhiên xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Tội phạm do bị cáo thực hiện đã gây hoang mang, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến an ninh trật tự, an toàn xã hội, trong thời gian gần đây loại tội phạm này đã diễn ra ở nhiều nơi trên địa bàn và các cơ quan tiến hành

tổ tụng đã đưa ra xét xử rất nghiêm minh, nhưng vẫn chưa có chiều hướng giảm vì vậy vụ án này đối với bị cáo M cần phải đưa ra xét xử kịp thời mới có giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân: Bị cáo M là phụ nữ, mặc dù chưa có tiền án, tiền sự, đáng lẽ ra bị cáo phải bỏ sức lao động của mình, làm ăn chân chính tạo ra của cải, vật chất để nuôi sống bản thân và gia đình, nhưng bị cáo không làm được việc đó. Bị cáo biết được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn coi thường pháp luật mà lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, để thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình điều tra giải quyết vụ án bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả cho người bị hại nên HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại điểm i, khoản 1 Điều 51 – BLHS. Ngoài ra người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại khoản 2 Điều 51 – BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ có nơi cư trú rõ ràng, sự khoan hồng của pháp luật nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần có một hình phạt cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương, nơi bị cáo cư trú cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 - BLHS người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Qua điều tra xác minh bị cáo đang cùng chồng nuôi 03 con nhỏ, cuộc sống gặp khó khăn, nên HĐXX miễn hình phạt bổ sung theo điều luật cho bị cáo M là phù hợp.

[3] Về vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen - trắng biển kiểm soát 19M1 -185.33 thu giữ của bị cáo M, mặc dù đứng tên trong các giấy tờ chủ sở hữu là bị cáo M, nhưng quá trình điều tra chiếc xe máy này là tài sản chung của cả gia đình do đó cần trả lại cho bị cáo là phù hợp.

Cần tịch thu cho tiêu hủy chiếc túi nilon màu đỏ có quai xách.

Cần xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phú Thọ đã trả lại cho anh Vũ Văn Tà số tiền 7.996.000đ vào ngày 12/02/2020 là hợp pháp.

[4] Về án phí: Buộc bị cáo M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại có quyền kháng cáo theo luật định.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên VKSND thị xã Phú Thọ tại phiên tòa phù hợp với nhận định trên của HĐXX, nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1,2, 5 Điều 65 – BLHS; Điểm d Khoản 1 Điều 125 - BLTTHS.

Tuyên bố bị cáo **Trần Thị M (Tức Mai)** phạm tội: “ Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị M (Mai) **09 (Chín)** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **18 (Mười tám)** tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 20/5/2019).

Giao bị cáo M cho UBND xã T, thị xã P, tỉnh P giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó.

Trường hợp bị cáo M (Mai) thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 68 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (Bị cáo M) cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Miễn hình phạt bổ sung theo quy định tại điều luật cho bị cáo M.

Hủy bỏ lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 14/2020/LCĐKNCT, ngày 26/3/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ cho bị cáo Trần Thị M.

[2] Về vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 - BLHS; Điểm c khoản 2 điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Trần Thị M (Mai) 01xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen - trắng biển kiểm soát 19M1 -185.33.

Tịch thu cho tiêu hủy chiếc túi nilon màu đỏ có quai xách.

(Các vật chứng có tình trạng như biên bản giao nhận lập ngày 26/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ).

Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phú Thọ đã trả lại cho anh Vũ Văn T số tiền 7.996.000đ (Bảy triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng) vào ngày 12/02/2020 là hợp pháp.

[3] Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 – BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Trần Thị M phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được THADS, người phải THADS có quyền thoả thuận THA, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật THADS; Thời hiệu THA được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại (Có mặt) được quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc phẩm. Người bị hại (Vắng mặt) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú để yêu cầu xét xử phúc phẩm.

Nơi gửi:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND thị xã Phú Thọ;
- Công an thị xã Phú Thọ;
- UBND xã T;
- Sở tư pháp;
- THAHS;
- Chi cục THADS;
- Bị cáo;
- Lưu HS-VP;

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Hưng T

Các thành viên của Hội đồng xét xử Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

